TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:63/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2018
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Anh Ngọc

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Sỹ Tố - Ông Nguyễn Đình Bảng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:129/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2018/QĐHPT ngày 30/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị Hồ Thị V, sinh ngày 10/10/1987.

Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/1985.

Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dụng đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị V và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào tháng 01/2009 âm lịch, trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập

quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:16/2009 ngày 02/02/2009. Sau khi cưới thì đến tháng 8/2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không phù hợp, quan điểm vợ chồng khác nhau,vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Mỗi lần mâu thuẫn anh T lại đánh đập, chửi bới ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị V. Mâu thuẫn đã được hòa giải tại gia đình, làng xóm nhưng không đưa lại kết quả, ngược lại mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng sâu sắc hơn. Không sống được với nhau, vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ, không quan tâm đến nhau kể từ tháng 8/2015 cho đến nay. Chị Hồ Thị V xác định hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn T đã hoàn toàn đổ vỡ, vợ chồng đã mất hết tình cảm, tình thương đối với nhau, dù có hòa giải đến đâu thì vợ cũng thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, chị Hồ Thị V đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Nguyễn Anh T, Giới tính: nam, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Nguyễn Ngọc H, Giới tính: nữ sinh ngày 22/6/2016. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang được chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, thỉnh thoảng anh T có chi phí tiền nuôi con cho chị V trung bình mỗi năm khoảng từ 3 đến 4 triệu đồng. Nếu ly hôn chị V đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

3.Về quan hệ tài sản: Chị Hồ Thị V không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anhNguyễn Văn T không hợp tác,Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh T để lưu tại hồ sơ vụ án.Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Hồ Thị V cung cấp, xác minh tại địa phương, trình bày của chị V tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung,nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị V đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Hồ Thị V, anh Nguyễn Văn T, yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh T không chấp hành, không hợp tác.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Hồ Thị V có mặt, bị đơn anhNguyễn Văn T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị V, anh T. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Hồ Thị V có mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Hồ Thị V và anh Nguyễn Văn T đảm bảo đúng qui định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị V, anh T là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 16/2009 ngày 02/02/2009, qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Hồ Thị V và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V, anh T đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, một bên không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, nên đã cự cải va chạm với nhau qua lời nói và xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, vợ chồng hoàn toàn mất hết tình cảm với nhau. Sau khi các bên sống ly thân vợ chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau kể từ năm 2015 cho đến nay. Qua đó cho thấyhôn nhân giữa chị V, anh T đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Hồ Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của chị.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung của vợ chồng được chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T có đóng góp một số tiền cho việc nuôi con chung không đáng kể chỉ từ 2 đến 3 triệu đồng/năm. Mặc dù vậy nhưng chị V đã nuôi dạy con tốt phát triển nhiều mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Hơn nữa con chung có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp với mẹ. Do vậy chị V đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếpnuôi dưỡng hai con chung là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Hồ Thị V.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người bố và người mẹ. Sau khi ly hôn, chị V một mình phải nuôi

hai con là rất khó khăn, nhất là về tài chính, chị V yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là có cơ sở. Nhưng xét thấy rằng chị V yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chungmỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng là quá cao. Thu nhập của anh T chủ yếu là làm ruộng nên thu nhập không cao, nên chỉ cần xử cho anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng 1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho hai con chung là phù hợp.

- Về quan hệ tài sản: Chị Hồ Thị V không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Hồ Thị V, anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82; 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Chị Hồ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

* Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Nguyễn Anh T, Giới tính: nam, sinh ngày 27/01/2010 và cháu Nguyễn Ngọc H, Giới tính: nữ sinh ngày 22/6/2016 cho chị Hồ Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con cùng chung cùng chị Hồ Thị V mỗi tháng 1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng), mỗi cháu 750.000đ(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là từ tháng 11/2018 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi concó quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Hồ Thị V phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly

hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0003250 ngày 17/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Hồ Thị V đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- VKSND tỉnh Nghệ An
- THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã P(nơi ĐK)